

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

• Nguyễn Thị Thúy^(*)

Tóm tắt

Mục đích của bài viết đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh bao gồm về nhận thức, kỹ năng hiện có và hoạt động của nhà trường nhằm tăng cường kỹ năng mềm cho sinh viên. Kết quả này được thực hiện thông qua bảng hỏi với 17 câu hỏi và thu về 193 phiếu hỏi hợp lệ. Trên cơ sở đó bài viết đánh giá chỉ ra một số hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên của Trường.

Từ khóa: Kỹ năng mềm, sinh viên, Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

1. Đặt vấn đề

Gần đây có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kỹ năng mềm (KNM). Một trong những kết quả của các công trình đó chỉ ra rằng có tới 75% thành công của con người là do KNM mang lại [6, tr. 27]. Trong khi đó, các trường đại học Việt Nam chưa nhận thức đầy đủ về vai trò tích cực của KNM mang lại, dẫn đến sinh viên (SV) chưa được trang bị đầy đủ cả kiến thức và kỹ năng thực hành về KNM. Do vậy, đã đến lúc cần thiết phải tăng cường giảng dạy KNM cho SV các trường đại học và cao đẳng [1, tr. 2]. Thiếu KNM là một trong các rào cản lớn, ảnh hưởng tới sự thành công của SV cả trong và sau khi ra trường, nhất là thời gian đi xin việc và mới bước vào nghề. Từ thực tế trên, bài viết đi sâu phân tích thực trạng KNM của SV Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh (ĐHTC-QTKD); từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao KNM cho SV của Trường để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của xã hội không chỉ về chuyên môn kiến thức mà cả về các kỹ năng khác trong cuộc sống mà gọi chung là KNM.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát đối tượng là SV năm thứ hai và thứ ba Trường ĐHTC-QTKD (2 khóa SV đại học đầu tiên của trường). Bảng câu hỏi được phát trực tiếp cho đối tượng được khảo sát theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện để thu thập dữ liệu sơ cấp. Tổng số phiếu phát ra là 200 phiếu, tổng số phiếu thu về là 196 phiếu. Sau khi sàng lọc và loại bỏ các phiếu không đạt yêu cầu, số phiếu đưa vào phân tích là 193 phiếu hợp lệ. Quy mô mẫu là 193 lớn hơn 5 lần tổng số biến quan sát

(17 quan sát) nên mẫu đảm bảo độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để xử lý và phân tích dữ liệu.

3. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu vấn đề

3.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

KNM trên thế giới được bắt đầu đề cập đến không phải từ các cơ quan giáo dục mà là từ các cơ quan chăm sóc nguồn nhân lực của cộng đồng chung Châu Âu (EU) ở Canada, rồi lần lượt các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... đề cập và trở thành trào lưu thế giới. Vì vậy, giáo dục ở các nước này rất chú trọng trang bị KNM cho SV, đồng thời KNM là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả học tập và quyết định chất lượng nguồn nhân lực cao. Qua nghiên cứu cho thấy ở các nước phát triển, học sinh từ tiểu học đã được tiếp cận KNM xuyên suốt trong quá trình học tập, vui chơi, sinh hoạt thành thói quen được trau dồi mỗi ngày. Được trang bị KNM, SV luôn tự tin, chủ động, sáng tạo và thích nghi được với mọi biến đổi của cuộc sống và công việc. Đó là lý do vì sao khi ra làm việc họ rất thành công. Từ các nghiên cứu cũng cho thấy ở mỗi nước yêu cầu về KNM của SV, người lao động có sự khác nhau tùy vào mục tiêu giáo dục cụ thể của từng nước nhưng vẫn gặp nhau ở những điểm tương đồng, đó là đề cao kỹ năng mang yếu tố con người, sự giao tiếp tương tác với người khác, khả năng ứng phó thích nghi, sự nhanh nhạy, sáng tạo, giải quyết vấn đề...

Ở Việt Nam trong thời gian qua, cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng nhưng hầu hết chỉ dừng lại chủ yếu ở các kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, cho các cấp học, cho các đối tượng cụ thể, cho từng vùng, miền... Thậm chí khi

^(*) Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

đề cập về bất cứ các mặt nào trong cuộc sống hay các vấn đề đang đối mặt với thế hệ trẻ trong công việc thì người ta luôn dùng cụm từ “kỹ năng sống”. Vì vậy, khái niệm KNM vẫn là một khái niệm khá mới mẻ với rất nhiều người, thậm chí với cả SV và giảng viên. Hơn nữa, cách hiểu cũng có sự khác nhau giữa các các nhà nghiên cứu khác nhau, phụ thuộc vào cách tiếp cận và khía cạnh nghiên cứu của mỗi chủ thể và người sử dụng nó. Theo Rani S. (2010), “KNM là những kỹ năng mà con người sử dụng để hành xử, làm việc với nhau, giải quyết các mâu thuẫn, thân thiện lạc quan và thuyết phục người khác” [4]. Còn theo Bùi Thị Hồng Thắm (2013), “KNM là kỹ năng tâm lý xã hội bao gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề... giúp SV có thể thích nghi và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu trong hoạt động học tập ở trường và công việc sau này” [7, tr. 21]. Mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau và chưa có sự thống nhất, nhưng KNM là hệ thống các kỹ năng cơ bản được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hay tương tác với xã hội và cộng đồng, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác, tổ chức của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả của công việc và thành đạt trong cuộc sống.

3.2. Cơ sở thực tiễn nghiên cứu

Ở Việt Nam, KNM chỉ được nhắc tới nhiều trong thời hội nhập hiện nay, nhất là khi các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tuyển dụng lao động. SV Việt Nam được đánh giá là giỏi, thậm chí được đánh giá khá cao trên các đấu trường trí tuệ quốc tế như Toán, Vật lý, Cờ vua, Robocon... nhưng họ lại ít thành công trong công việc, thăng tiến và khả năng thích nghi, nhạy bén, mạo hiểm, dám chịu trách nhiệm còn hạn chế... Hay nói cách khác, hầu hết SV Việt Nam ra trường đi làm đều yếu và thiếu KNM - đây là một trong các rào cản lớn, ảnh hưởng tới sự thành công của SV cả trong và sau khi ra trường, nhất là thời gian đi xin việc

và mới bước vào nghề. Do vậy, đã đến lúc cần thiết phải tăng cường giảng dạy KNM cho SV các trường đại học và cao đẳng [1, tr. 2].

Với đặc thù là một trường chuyên đào tạo SV ở các ngành nghề liên quan đến kinh tế: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng... Trường ĐHTC-QTKD trong những năm qua đã không ngừng chú trọng tới công tác đào tạo KNM và coi đó là một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong chuẩn đầu ra của SV nhà trường. Nhà trường đã lồng ghép KNM vào các môn học, xây dựng một số môn học về KNM, tổ chức các hoạt động phong trào xã hội để không ngừng rèn luyện KNM cho SV của Trường.

Để đánh giá đúng thực trạng KNM của SV nhà trường trong ba năm vừa qua (kể từ khi trường được nâng cấp lên đại học), bài viết đã đi sâu vào phân tích thực trạng nâng cao KNM cho SV Trường ĐHTC-QTKD để thấy được những mặt đã làm được, mặt còn hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa KNM cho SV của nhà trường đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của xã hội không chỉ về chuyên môn kiến thức mà cả về các KNM khác trong cuộc sống.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng nhận thức của SV Trường ĐHTC-QTKD về vai trò của KNM

Từ khái niệm và cách hiểu trên, khi hỏi về nhận thức của SV Trường ĐHTC-QTKD về vai trò của KNM, các câu hỏi tập trung vào 4 khía cạnh. Kết quả điều tra cho thấy, nhận thức của SV Trường ĐHTC-QTKD về vai trò của KNM tương đối đồng nhất, với điểm trung bình từ 4,35 đến 4,61 và độ lệch chuẩn dao động từ 0,549 đến 0,643 (Bảng 1).

Bảng 1. Nhận thức về vai trò kỹ năng mềm của SV Trường ĐHTC-QTKD

Giá trị \ Nhận thức	Mở rộng, tăng cường các mối quan hệ	Giúp thành công hơn trong học tập, công việc	Chủ động, tự tin hơn trước đám đông	Giúp dễ xin việc
Điểm trung bình	4,54	4,35	4,61	4,44
Độ lệch chuẩn	0,558	0,638	0,549	0,643
Giá trị nhỏ nhất	3	3	3	3
Giá trị lớn nhất	5	5	5	5

Bảng 2. Nhận thức về vai trò KNM của SV Trường ĐHTC-QTKD

Đơn vị: %

STT	Tên vai trò	Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết
1	Mở rộng, tăng cường các mối quan hệ xã hội	57,5	39,4	3,1	0	0
2	Là yếu tố góp phần thành công hơn trong học tập và cuộc sống	44,0	47,2	8,8	0	0
3	Giúp chủ động, tự tin hơn trước đám đông	64,2	32,6	3,1	0	0
4	Giúp dễ dàng xin việc	51,8	39,9	8,3	0	0

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của tác giả (5/2016).

Khi được hỏi “KNM quan trọng và cần thiết như thế nào đối với bạn khi ở trong trường và sau khi ra trường?”, kết quả điều tra (Bảng 2) có 64,2% SV cho rằng KNM là rất cần thiết, giúp tự tin, chủ động hơn trước đám đông, tỷ lệ cao nhất so với 4 vai trò trong nhóm này; tiếp sau là 57,5% SV cho rằng KNM giúp mở rộng, tăng cường các mối quan hệ xã hội; vị trí thứ ba là 51,8% SV cho rằng KNM giúp dễ dàng xin việc và thấp nhất là 44% SV cho rằng KNM là yếu tố góp phần thành công hơn trong học tập và cuộc sống. Kết quả trên cho thấy, SV ĐHTC-QTKD nhận thức khá đầy đủ về tầm quan trọng của KNM cả trong và sau khi ra trường (ở cả 4 câu hỏi đều dừng lại ở 0% đối với mức ít cần thiết và không cần thiết); đặc biệt SV rất đề cao vai trò của KNM trong các hoạt động giao tiếp ứng xử. Bởi KNM giúp SV chủ động, tự tin mở rộng các mối quan hệ mà mình còn đang hạn chế.

Trong bốn vai trò trên, tỷ lệ SV cho rằng KNM giúp dễ xin việc và là yếu tố góp phần thành công hơn trong học tập, cuộc sống thấp hơn so với hai vai trò khác. Điều này cũng tương đồng với kết quả khảo sát của Dương Thị Liễu [2, tr. 82] đối với SV Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Đây chính là một hạn chế cần được khắc phục, bởi KNM là một tiêu chí đánh giá kết quả học tập và quyết định chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập.

4.2. Thực trạng KNM của SV Trường ĐHTC-QTKD

Theo một nghiên cứu về KNM đối với người lao động ở Mỹ, có 13 kỹ năng cơ bản cần thiết giúp thành công trong công việc; còn theo Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Minh Thảo, KNM của lao động Việt Nam gồm 8 kỹ năng [9, tr. 119]. Để khảo sát mức độ một số KNM của SV Trường ĐHTC-QTKD, bài viết đưa ra 8 kỹ năng cơ bản, cần thiết đối với SV.

Bảng 3. Thực trạng KNM của SV Trường ĐHTC-QTKD

Đơn vị: %

STT	Tên kỹ năng	Rất cao	Cao	Bình thường	Thấp	Chưa có
1	Kỹ năng học và tự học	4,7	24,4	60,1	10,4	0,5
2	Kỹ năng thuyết trình	7,8	8,3	44,0	31,1	8,8
3	Kỹ năng tư duy sáng tạo	4,1	16,1	54,9	20,7	4,1
4	Kỹ năng làm việc nhóm	5,2	22,3	43,5	27,5	1,6
5	Kỹ năng giao tiếp ứng xử	9,8	22,8	54,9	9,8	2,6
6	Kỹ năng lắng nghe	17,1	36,3	40,4	5,7	0,5
7	Kỹ năng quản lý thời gian	4,7	22,3	56,0	13,0	4,1
8	Kỹ năng tạo động lực học tập	9,3	19,2	45,1	20,7	5,7

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của tác giả (5/2016).

Khi được hỏi “Trong số các KNM sau, bạn đã có ở mức độ nào?”, kết quả khảo sát trong bảng 3 cho thấy có 53,4% SV cho rằng đã có kỹ năng

lắng nghe và 32,6% có kỹ năng giao tiếp ứng xử đạt ở mức độ cao và rất cao so với 8 kỹ năng trên. Đồng quan điểm này, tình hình trang bị KNM của

SV Đại học Kinh tế Quốc dân cũng cho kết quả kỹ năng lắng nghe đạt trên mức 50%, mức cao nhất trong các KNM mà SV có [2, tr. 83]. Đây là 2 kỹ năng phổ biến nhất của mọi người nói chung và đặc biệt là của SV nói riêng có khi đang trong quá trình học tập.

Trong 8 kỹ năng trên, có một số kỹ năng SV của trường còn yếu và thiếu. Nó phản ánh ở mức độ thấp và chưa có 31,1% SV cho rằng kỹ năng thuyết trình của họ ở mức thấp, chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp sau là kỹ năng làm việc nhóm của SV với 27,5%. Cùng với đó, 20,7% SV nhận thấy kỹ năng tư duy sáng tạo của bản thân, kỹ năng tạo động lực học tập còn thấp. Đây cũng là một tồn tại khá phổ biến trong SV Việt Nam hiện nay mà đã được các nghiên cứu chỉ ra. Trong khi đó, theo nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Hồng Thắm về KNM của SV tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận cho thấy kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sáng tạo và kỹ năng làm việc theo nhóm lại là những KNM cần thiết nhất cho SV khi việc học tập ở trường và được xếp hạng thứ bậc cao nhất, đặc biệt, kỹ năng sáng tạo vẫn đứng ở vị trí thứ 3 khi đánh giá về mức độ cần thiết cho công việc sau này [7, tr. 23].

Kết quả khảo sát cho thấy ở cả 8 kỹ năng trên, số lượng SV lựa chọn mức độ bình thường chiếm tỷ lệ từ 40% - 60%. Điều đó phản ánh SV của trường đã có được các KNM, song mới dừng lại ở mức độ trung bình, chưa thực sự cao. Đây sẽ là một khó khăn, trở ngại khi SV tốt nghiệp ra trường để tìm kiếm một vị trí việc làm tốt, bởi SV cần phải đạt tới mức độ cao của KNM - có sự hiểu biết đúng đắn về mục đích, yêu cầu, cách thức, thao tác thực hiện và đạt được sự thành thạo, chuẩn mực; vận dụng ổn định và bền vững KNM trong các điều kiện khác nhau của cuộc sống thì mới có thể đem lại thành công trong công việc.

4.3. Thực trạng các hoạt động của Nhà trường ảnh hưởng tới việc nâng cao KNM của SV

Khảo sát về mức độ các hoạt động ở trường đã ảnh hưởng đến việc nâng cao KNM của SV, bài viết đã phân ra 5 hoạt động để khảo sát: (i) Ảnh hưởng từ các môn học về KNM đã được giảng dạy; (ii) Ảnh hưởng từ các hoạt động giảng dạy có tích hợp KNM của giảng viên và hoạt động học tập trong, ngoài trường của SV; (iii) Ảnh hưởng từ các câu lạc bộ của nhà trường; (iv) Ảnh hưởng từ

các chuyên đề, khóa bồi dưỡng của các chuyên gia bên ngoài trường về KNM; (v) Ảnh hưởng của các hoạt động phong trào, cuộc thi mà nhà trường phát động, tổ chức.

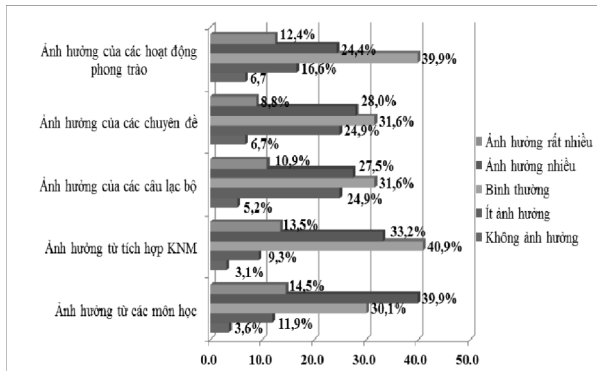
Theo kết quả khảo sát ở hình 1 cho thấy, tất cả các hoạt động của trường đều đã có ảnh hưởng tích cực đến hình thành KNM của SV. Tuy nhiên, chưa có một hoạt động nào được đánh giá ảnh hưởng ở mức trên trung bình. Điều này chứng tỏ, trường đã chú trọng đến việc trang bị, nâng cao KNM cho SV, song dường như các hoạt động trên chưa đạt được như mục tiêu, hiệu quả cao trong việc nâng cao KNM dành cho SV. Nhiều hoạt động mới dừng lại ở màn “khởi động”, chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu đại đa số SV của trường.

Các môn học về KNM đã được giảng dạy trong chương trình có ảnh hưởng lớn nhất đến nâng cao KNM và được 53,9% SV lựa chọn ở mức độ ảnh hưởng rất nhiều và nhiều. Bởi thực tế, ngoài phần kiến thức chuyên môn, nhà trường đã đưa vào trong chương trình giảng dạy một số môn học thuộc về KNM như Khoa học giao tiếp dưới hình thức môn học tự chọn nhằm trang bị cho SV những kiến thức khoa học cơ bản nhất về tâm lý, nguyên tắc trong giao tiếp ứng xử, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, sự kết hợp giữa ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp nhằm giúp SV có thể tự tin, chủ động hòa nhập vào thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp.

Các hoạt động giảng dạy có tích hợp KNM của giảng viên, hoạt động học tập trong và ngoài trường của SV có ảnh hưởng lớn thứ hai, chiếm 46,7%. Bởi, KNM của SV luôn được trang bị thông qua chính các hoạt động giảng dạy của giảng viên có tích hợp KNM, hoạt động học tập trong và ngoài lớp của SV như: làm việc nhóm, thuyết trình, nghiên cứu khoa học, kiến tập thực tế và trong hoạt động sống hàng ngày...

Các hoạt động phong trào, các cuộc thi như: Hè tình nguyện, Sắc màu Tài chính; SV Kế toán; FBA Couple, Olympiad tiếng Anh; Ánh sáng soi đường của trường tổ chức có ảnh hưởng đến nâng cao KNM cho SV, nhưng mới chỉ đạt 36,8% ở mức độ ảnh hưởng rất nhiều và nhiều. Điều này dường như trái ngược với nhiều ý kiến nghiên cứu cho thấy, đây chính là môi trường tốt nhất, phổ biến nhất hiện nay cho SV rèn luyện KNM.

Hoạt động thành lập các câu lạc bộ như: câu lạc bộ kỹ năng sống, câu lạc bộ nói tiếng Anh; mở các khóa bồi dưỡng hoặc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo mời các chuyên gia nói chuyện về KNM được SV đánh giá là ít ảnh hưởng và không ảnh hưởng chiếm tỷ lệ: 30,1% và 31,6%. Điều đó phản ánh hiệu quả của những hoạt động này còn thấp.



Hình 1. Mức độ ảnh hưởng các hoạt động của Nhà trường tới KNM của SV

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của tác giả (5/2016).

5. Kết luận và giải pháp

5.1. Kết luận

Từ kết quả điều tra và những phân tích trên, có thể thấy những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc nâng cao KNM cho SV Trường ĐHTC-QTKD thể hiện trên 3 khía cạnh:

- SV đã thấy KNM là cần thiết nhưng chưa thực sự đề cao vai trò của KNM trong việc giúp cho hoạt động học tập, công việc thành công hơn, thuận lợi trong quá trình tìm kiếm một việc làm tốt. Nguyên nhân của các hạn chế này là do:

+ SV chưa được đào tạo nhiều về KNM nên mới chỉ dừng lại ở nhận thức mang tính chủ quan về vai trò của KNM trong lĩnh vực giao tiếp ứng xử. SV chỉ dừng lại giao tiếp trong các mối quan hệ với gia đình và bạn bè là chủ yếu; SV chưa thực sự tự tin, chủ động mở rộng các mối quan hệ xã hội bên ngoài, tham gia vào các hoạt động phong trào, giao lưu văn hóa - xã hội của nhà trường và địa phương.

+ Nhiều SV chưa từng đi tìm việc và làm thêm bên ngoài. Đặc biệt, SV K1, K2 chưa có cơ hội được trải nghiệm thực tế tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh. Vì vậy, SV chưa thực sự đề cao vai trò rất cần thiết của KNM trong học tập, công việc và cuộc sống.

- SV của trường đã có KNM nhưng chỉ đạt

ở mức độ bình thường, còn thiếu và yếu ở một số kỹ năng như: kỹ năng sáng tạo, kỹ năng tạo động lực học tập, kỹ năng làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng thuyết trình. Nguyên nhân của hạn chế này là do:

+ Trong các giờ học, SV chưa tự tin, rất ngại, sợ phát biểu hay trình bày một nội dung nào đó trước đám đông; giảng viên chưa dành nhiều thời gian để đặt câu hỏi, tạo cơ hội cho SV được trình bày quan điểm của mình.

+ SV còn thụ động trong học tập theo hình thức học tín chỉ hiện nay, chưa phát huy hết vai trò của thảo luận nhóm hay học nhóm nhằm nâng cao tri thức và khả năng sáng tạo, bởi William Shakespeare đã từng nói: Nếu bạn có một quả táo và tôi có một quả táo và chúng ta trao đổi cho nhau, thì tôi vẫn sẽ có một quả táo và bạn cũng vẫn có một quả táo. Còn nếu bạn có một luồng tư tưởng và tôi có một luồng tư tưởng và chúng ta trao đổi cho nhau, thì mỗi chúng ta sẽ có hai luồng tư tưởng.

+ Nền giáo dục nước nhà trong những năm qua vẫn chưa thực sự đặt người học vào vị trí trung tâm, chưa phát huy được hết tính tích cực, sáng tạo và tư duy phản biện của người học. Nhiều SV chưa xác định được mục tiêu của cuộc đời mình, nên chưa có động lực lớn trong học tập. Vì vậy, sự cố gắng không lớn, ý thức học tập chưa cao và mới chỉ quan niệm học và thi cho qua.

- Tất cả các hoạt động của trường đều đã có ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành KNM của SV. Tuy nhiên, chưa có một hoạt động nào được đánh giá ảnh hưởng ở mức trên trung bình. Điều này chứng tỏ, trường đã chú trọng đến việc trang bị, nâng cao KNM cho SV, song các hoạt động trên chưa đạt được mục tiêu, hiệu quả cao trong việc nâng cao KNM cho SV. Nguyên nhân của những hạn chế này là do:

+ Các môn học về KNM chưa nhiều, một số giảng viên khi giảng dạy vì áp lực phải đảm bảo đúng và đủ nội dung, thời gian giảng dạy theo hình thức tín chỉ nên chưa tích cực lồng ghép KNM vào quá trình giảng dạy chuyên môn như cho SV thuyết trình, làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống... Hoạt động kiến tập tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước của SV còn có phần hạn chế do điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội của địa phương mà trường đóng trên đó.

+ Một số hoạt động chưa được tổ chức thường xuyên, vẫn mang tính chất phong trào nhằm kỷ niệm những ngày lễ lớn, do vậy sức ảnh hưởng chưa nhiều và chỉ thu hút được một số SV tích cực tham gia và có cơ hội nâng cao, rèn luyện KNM. Một số câu lạc bộ như câu lạc bộ về kỹ năng sống đến nay dường như không còn hoạt động; hoạt động mời các chuyên gia chia sẻ về KNM như giảng viên Tâm Việt cũng không thu hút được nhiều SV tham gia.

5.2. Giải pháp nâng cao KNM cho SV Trường ĐHTC-QTKD

Từ những hạn chế trên, bài viết có đề xuất một số giải pháp để nâng cao hơn nữa KNM cho SV, nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo của nhà trường và nhu cầu thực tế ngoài xã hội:

Một là, cần nâng cao hơn nữa nhận thức của SV về vai trò KNM.

- SV cần được nhà trường trang bị và nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của KNM trong việc hỗ trợ các hoạt động học tập, chuyên môn và tìm việc làm của SV gắn với những đặc thù từng ngành học trong trường và công việc tương lai. Từ nhận thức đúng đắn và đầy đủ, SV sẽ chủ động, tự tin trong giao tiếp, tự giác rèn luyện KNM. Đây chính là yếu tố quyết định tới việc hình thành và phát triển KNM đạt ở trình độ cao.

- Bản thân mỗi SV cần chủ động, tích cực tự giác rèn luyện và nâng cao KNM ngay từ năm học thứ nhất, trong việc tìm kiếm các tri thức, kinh nghiệm về nâng cao KNM thông qua các tài liệu, chương trình trên mạng internet; tham gia các khóa học online của các tổ chức đào tạo KNM, tích cực tham gia vào các hoạt động phong trào của nhà trường, hoạt động xã hội tại địa phương mình; tìm kiếm các việc làm thêm, đi thực tế tại các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước nhằm nâng cao, rèn luyện KNM.

Hai là, cần nâng cao mức độ của các KNM cho SV.

- Nhà trường cần có chủ trương và chính sách hỗ trợ các giảng viên của trường đang trực tiếp giảng dạy các môn KNM được tham gia, học tập các chương trình chuyên sâu về KNM của một số trường đại học lớn, các tổ chức đào tạo KNM chuyên nghiệp để có cơ hội được nâng cao hơn nữa về phương pháp giảng dạy KNM cho SV.

- Cần tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ giảng viên không ngừng đổi mới phương pháp

giảng dạy theo hướng tích cực, tích hợp KNM vào các bài giảng chuyên môn. Đây là cách thiết thực nhất trong việc khắc ghi KNM cho SV trong khi hầu như không cần phải thay đổi cấu trúc khóa học hiện tại. Trong mô hình tích hợp này, SV được phát triển một số KNM trong toàn bộ thời gian khóa học.

Ba là, cần củng cố, tăng cường chất lượng các hoạt động nhằm nâng cao KNM cho SV.

- Nhà trường cần tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất hơn nữa cho các hoạt động, các phong trào, các cuộc thi do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên kết hợp với các Khoa để tạo môi trường nâng cao KNM cho SV; quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu hoạt động tập thể của SV thông qua khuyến khích thành lập và duy trì các câu lạc bộ của SV, để họ có cơ hội trao đổi các vấn đề của nghề nghiệp, nghệ thuật, gia đình và xã hội; tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động ngoại khóa, khuyến khích SV nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNM.

- Các khoa cần liên hệ và tổ chức thường xuyên cho SV đi kiến tập, trải nghiệm lao động nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để rèn luyện, nâng cao KNM cho SV.

- Cùng với các hoạt động trên, nhà trường nên hướng đến thành lập một tổ Tư vấn và hỗ trợ đào tạo của trường với mục đích góp phần xây dựng môi trường học tập tích cực trong nhà trường thông qua việc hỗ trợ, trang bị, phát triển phương pháp học tập tích cực, phương pháp nghiên cứu khoa học cho SV và một số KNM cần thiết giúp SV chuẩn bị hành trang bước vào đời. Điều này đã được nhiều trường đại học thực hiện và có sức ảnh hưởng tốt, lan tỏa rộng đối với cả SV của các trường như: tổ chức CASA của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trung tâm Dự báo và phát triển nguồn nhân lực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. . .

Như vậy, KNM là khả năng thực hiện một công việc nhất định trong một hoàn cảnh, điều kiện nhất định để đạt được những mục tiêu của mình. Dù mỗi người có học các ngành nghề khác nhau thì KNM vẫn sẽ là những kỹ năng cơ bản mà bất kỳ ai làm nghề gì cũng cần phải có. Nó cũng là một tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng đào tạo của các trường đại học nói chung và Trường ĐHTC-QTKD nói riêng. Và để đáp ứng tốt được chuẩn đầu ra và nhu cầu thực tế của xã hội, nhà trường cần nâng cao KNM cho SV hơn nữa trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), Chỉ thị số 6036/CT-BGDĐT về *nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học năm học 2011-2012*.
- [2]. Dương Thị Liễu (2014), “Nâng cao KNM cho SV: Nghiên cứu tình huống tại Đại học Kinh tế Quốc dân”, *Kinh tế và phát triển*, số 204, tr. 79 - 86.
- [3]. Lại Thế Luyện (2015), *Sổ tay KNM của SV*, NXB Thời đại.
- [4]. Rani S. (2010), *Need and importance of soft skills in students*, Sri Sarada College for Women, Salem - 636016.
- [5]. Tạ Quang Thảo (2014) “Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển KNM cho SV các trường cao đẳng, đại học hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt (3/2014), tr. 47-49.
- [6]. Tạ Quang Thảo, “Phát triển KNM cho SV các trường cao đẳng chuyên nghiệp”, *Khoa học và Công nghệ*, số 81, tr. 27-33.
- [7]. Bùi Thị Hồng Thắm (2013), “KNM của SV - một nghiên cứu từ Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận”, *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 1(8), tr. 21-26.
- [8]. Bùi Loan Thùy (2012), “Nâng cao sức cạnh tranh cho SV Việt Nam trên thị trường lao động trong nước và quốc tế”, *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, số 6, tr. 55- 60.
- [9]. Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Minh Thảo (2012), “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển kỹ năng lao động và vai trò của giáo dục phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh*, số 28, tr. 185-191.

REALITY AND SOLUTIONS TO ENHANCE STUDENTS’ SOFT SKILLS AT THE UNIVERSITY OF FINANCE AND BUSINESS ADMINISTRATION**Summary**

This article is to assess current students’ soft skills at the University of Finance and Business Administration, including perception, acquired skills and school activities to enhance their soft skills. With a 17-question questionnaire, 193 valid questionnaire copies were collected. Thereby, the article points out some limitations and proposes solutions to enhance students’ soft skills at this university.

Keywords: Soft skills, students, University of Finance and Business Administration.

Ngày nhận bài: 20/7/2016; Ngày nhận lại: 27/2/2017; Ngày duyệt đăng: 7/9/2017.